

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31/5/2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Phương Tích

2. Ông Trần Ngọc Đức

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thanh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Văn H, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 9, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

**- Bị đơn:** Bà Cao Thị D, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 01/02/2018 và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ông Trần Văn H trình bày:*

Ông và bà Cao Thị D cưới nhau năm 1991 do hai bên tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 1998, thì gia đình bên vợ đi xem thầy bói nói rằng nếu tiếp tục chung sống với ông thì sẽ chết nên vợ ông bỏ đi không chung sống với ông nữa. Từ khi bỏ đi đến nay đến nay thì vợ chồng ông không hàn gắn

lại với nhau. Nay ông xác định đã không còn tình cảm, không thể hàn gắn được với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Cao Thị D.

Về con chung: có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1992 và Trần Minh T1, sinh năm 1993 hiện con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà Cao Thị D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành thu thập được lời khai.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Cao Thị D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà D là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Trần Văn H và bà Cao Thị D cưới nhau vào năm 1991 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa ông H và bà D mặc dù không có mâu thuẫn gì nhưng do tin lời bói toán mà bà D đã bỏ nhà đi từ năm 1998 đến nay đã gần 20 năm không quay về chung sống với ông H và các con. Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn nhưng bà D vẫn vắng mặt thể hiện anh Phú đã không muốn vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D vẫn không có mặt, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà D. Thấy rằng, tình trạng hôn nhân ông H, bà D là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn H với bà Cao Thị D là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1992 và Trần Minh T1, sinh năm 1993 hiện con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí: Ông Trần Văn H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Trần Văn H đối với bà Cao Thị D.

- *Về quan hệ hôn nhân*: ông Trần Văn H được ly hôn bà Cao Thị D.

- *Về con chung*: có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1992 và Trần Minh T1, sinh năm 1993 hiện con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn ông Trần Văn H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 00014570 ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Án phí ông H đã nộp xong.

Ông Trần Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Cao Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Linh**